TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/2019/HSST- QĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/HSST- QĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh ngày 01/02/1995 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; vợ là Nguyễn Thị Như Q và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 109/2016/HS-ST ngày 26/8/2016 của Toà Nhân dân thành phố V xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2018 (tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích); nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 59/QĐ- XPHC ngày 22/7/2015, Công an huyện L, tỉnh V xử phạt bị cáo 2.500.000đ về hành vi "Cố ý gây thương tích", ngày 29/7/2015 bị cáo nộp xong tiền phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2019 đến nay (có mặt).

2. Trần Nho T, sinh ngày 19/8/1992 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nho T và bà Trần Thị T; vợ là Phạm Thị Kim D và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2016/HS-ST ngày 30/5/2016 của Toà Nhân dân huyện G, thành phố H xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2017 (tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Nho T: Bà Phan Thị Kim Liên, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

Bị hại: - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đo, xã T, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

- Ông Hà Anh T, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nho T và Nguyễn Văn M có quan hệ bạn bè xã hội với nhau. Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 11/01/2019, T đang ở nhà mẹ vợ tại xã H, huyện B, tỉnh V thì nhận được điện thoại của M hỏi T chiều có về quê L không thì qua phòng trọ của M thuê ở tổ dân phố M, phường K, thành phố V đón M về cùng, T đồng ý. Do hết tiền tiêu xài cá nhân nên M nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Trong thời gian chờ T đến đón, M cầm 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại, hình chữ T rồi đi bộ ra khu vực phía sau khách sạn Hoàng Long thuộc tổ dân phố M, phường K, thành phố V, mục đích xem có xe máy nào sơ hở để trộm cắp. Khi đến cổng nhà chị Trần Thị Thủy ở tại tổ dân phố M, phường K, M phát hiện có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 88H7 - 8280 của anh Nguyễn Văn T dựng trên vỉa hè trước cổng nhà chị Thủy không có người trông giữ, M tiến gần đến chiếc xe để trộm cắp. Đúng lúc này, T điều khiển xe máy biển kiểm soát 88H4 - 5782 đến phòng trọ của M để đón M nhưng không thấy M có ở phòng nên T mượn điện thoại của một người phụ nữ ở cùng khu trọ (không rõ họ, tên, tuổi và địa chỉ) gọi điện cho M thì M nói đang ở phía sau khách sạn Hoàng Long và bảo T "Anh cất xe trong phòng em rồi ra đây có con xe Dream tý anh em mình cùng về". T hiểu ý M rủ T ra để cùng trộm cắp, T đồng ý. Sau đó, T để xe ở phòng trọ của M rồi đi bộ ra chỗ M thì thấy M đang dắt chiếc xe máy Dream biển kiểm soát 88H7 - 8280 lùi ra đường cách vị trí ban đầu khoảng 2 mét. Thấy T đến, M đưa cho T chiếc vam phá khóa mang theo từ trước và bảo T "Anh đến mở đi", T hiểu ý M bảo T đến phá khóa xe nên đồng ý rồi ngồi lên yên xe máy dùng vam phá ổ khóa điện, còn M ra trước đứng đợi ở đầu ngõ. Khi T đang phá ổ khóa xe máy thì bị anh Phạm Văn Trung phát hiện và hô hoán, thấy vậy T và M cùng bỏ chạy. Trong khi bỏ chạy, T cầm theo chiếc vam phá khóa ném lên trên mái tôn của một nhà dân ven đường. Chạy được khoảng 200m thì T bị anh Trung và người dân bắt giữ, còn M chạy thoát.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, M về phòng trọ của mình thì thấy chiếc xe máy của T vẫn để ở phòng, M lấy xe đi về thị trấn L. Sau đó do không có tiền tiêu xài nên M đã đến quán Game của anh Nguyễn Ngọc T, trú tại thôn D, xã T, huyện L hỏi vay số tiền 500.000đ và để lại chiếc xe máy biển kiểm soát 88H4 - 5782 làm tin. Số tiền 500.000đ M đã tiêu xài hết.

Ngày 11/01/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 88H7- 8280 và 01 vam phá khóa bằng kim loại, hình chữ T.

Ngày 03/4/2019, anh Nguyễn Ngọc T đã giao nộp chiếc xe máy biển kiểm soát 88H4 - 5782 của Nguyễn Nho T cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 15/01/2019, Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 88H7 - 8280, số khung: 08095Y778892, số máy: HA08E0779024, xe đã cũ, đã qua sử dụng, trị giá 10.000.000đ.

Sau khi cùng T trộm cắp xe máy trên địa bàn phường K bị phát hiện, M chạy thoát và bỏ về quê ở huyện L. Khoảng 11 giờ ngày 14/01/2019, M đi bộ từ nhà đến nhà Nguyễn Cao C, ở thôn Phú Ninh, xã L, huyện L, tỉnh V chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, M đi bộ lang thang quanh xã L, mục đích xem có xe máy nào sơ hở thì trộm cắp. Khi đến cửa nhà ông Nguyễn Viết Thị, tại thôn N, xã L, huyện L, M thấy có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 88D1 - 08873 của ông Hà Anh T dựng trước cổng nhà ông Thị. Quan sát không thấy có người trông giữ, M tiến đến chiếc xe rồi lấy 01 vam phá khóa kim loại, hình chữ T đã chuẩn bị sẵn từ nhà mang theo phá được ổ khóa điện của xe và trộm cắp chiếc xe. Sau đó, M điều khiển xe đi về hướng thành phố V, trên đường đi M đã vứt bỏ chiếc vam phá khóa (không nhớ địa điểm cụ thể), đồng thời gọi điện thoại cho C nhờ C tìm người mua xe máy để M bán chiếc xe M trộm cắp được, M hẹn gặp C ở khu vực sân bóng trước cổng trường Trung học cơ sở xã Đ, huyện T, C đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C đi taxi đến điểm hẹn gặp M rồi M điều khiển xe máy chở C về thị trấn L, huyện L gặp một người nam giới (M không rõ họ, tên, tuổi và địa chỉ). Tại đây, C là người giao dịch bán chiếc xe máy trên cho người nam giới này được 3.000.000đ. Sau đó, C và M cùng nhau tiêu xài hết số tiền 500.000đ, M cho C 300.000đ, còn 2.200.000đ M đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 242/KL-HĐĐG ngày 01/02/2019, Hội đồng định giá kết luận: 01 xe máy biển kiểm soát 88D1- 08873, nhãn hiệu Honda, số loại: HA08 SUPER DREAM, màu sơn nâu, số máy: HA08E1531499, số khung: RLHHA0909AY231462 trị giá 8.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 88H7- 8280 bị mất, anh T không yêu cầu Nguyễn Văn M và Trần Nho T phải bồi thường gì.

- Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88D1- 088.73 không thu hồi được, ông Hà Anh T yêu cầu M phải bồi thường số tiền 20.000.000đ. Nguyễn Văn M chỉ chấp nhận mức bồi thường theo kết luận định giá là 8.000.000đ.

- Đối với số tiền 500.000đ M cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 88H4-5782 cho anh Nguyễn Ngọc T, anh T không yêu cầu M phải bồi thường số tiền này.

Tại Cáo trạng số: 66/CT- VKSTPVY ngày 08/5/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 15 đến 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Nho T từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Nguyễn Văn M phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Hà Anh T số tiền 8.000.000đ; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 xe máy biển kiểm soát: 88H7- 8280 là hợp pháp. Tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Nho T có quan điểm: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Do bị cáo đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Họi đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Nho T nhất trí với quan điểm của người bào chữa và không bào chữa và tranh luận bổ sung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/01/2019, tại tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh V, các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát:

88H7- 8280, trị giá 10.000.000đ của anh Nguyễn Văn T thì bị phát hiện bắt quả tang được T, còn M bỏ chạy thoát.

Sau khi chạy thoát, khoảng 16 giờ ngày 14/01/2019, tại thôn N, xã L, huyện L, tỉnh V, bị cáo Nguyễn Văn M tiếp tục lén lút chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát: 88D1 - 08873, trị giá 8.000.000đ của ông Hà Anh T.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Nho T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở về hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều là người nghiện ma túy và có nhân thân xấu, bị cáo M đã bị kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo T bị kết án về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tính đến ngày phạm tội các tiền án nêu trên chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo M đã 02 lần thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn M là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản ngày 11/01/2019, còn bị cáo Trần Nho T là đồng phạm trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực. Tổng tài sản bị cáo Nguyễn Văn M chiếm đoạt 02 lần là 18.000.000đ, còn Trần Nho T chiếm đoạt là 10.000.000đ. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm mà mình đã thực hiện. Các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên đây là đồng phạm giản đơn. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò của từng bị cáo để có đường lối xử lý tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện theo quy định tại Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự.

Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 15 đến 18 tháng tù là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bởi lẽ bản thân bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết tăng

nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm. Khi thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn thành phố V bị cáo chạy thoát thì sau đó bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện L, tỉnh V thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định các bị cáo là người nghiện ma túy, có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 88D1-088.73 hiện chưa thu hồi được, quá trình điều tra người bị hại là ông Hà Anh T yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền 20.000.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M đồng ý bồi thường giá trị của chiếc xe theo kết luận của hội đồng định giá là 8.000.000đ.

Xét yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo kết luận định giá tài sản thì trị giá chiếc xe là 8.000.000đ, hơn nữa phía bị cáo M cũng chỉ đồng ý bồi thường theo kết luận định giá. Do đó cần buộc bị cáo M phải bồi thường giá trị chiếc xe cho ông T là 8.000.000đ.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 88H7- 8280, sau khi làm rõ Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh Nguyễn Văn T, nay anh T không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 500.000đ M cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 88H4-5782 cho anh Nguyễn Ngọc T, anh T không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 vam phá khóa hình chữ T không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với người có liên quan trong vụ án gồm: Nguyễn Cao C, quá trình điều tra và tại phiên tòa M khai C là người M nhờ mang chiếc xe máy biển kiểm soát 88D1 - 088.73 đi bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và triệu tập C nhiều lần đến làm việc nhưng hiện C không có mặt ở địa phương. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là có căn cứ. Đối với người nam giới M khai không biết họ, tên, tuổi và địa chỉ, đã mua xe máy biển

kiểm soát 88D1 - 088.73 nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự trong hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/02/2019).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Nho T 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 11/01/2019).

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 vam phá khóa hình chữ T (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Hà Anh T số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa T lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa T được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong hình sự; bị cáo Trần Nho T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền